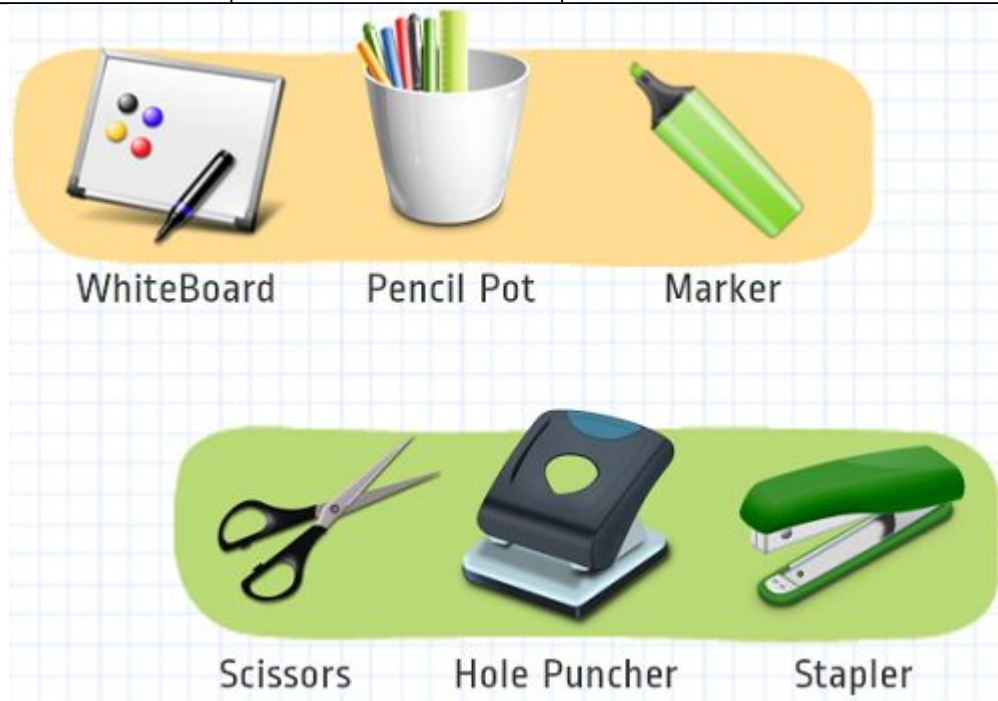


Từ vựng tiếng Anh về dụng cụ văn phòng

Tiếp nối series học từ vựng tiếng Anh theo chủ đề, trong bài viết này, VnDoc xin gửi bạn một số từ vựng tiếng Anh phổ biến về dụng cụ văn phòng có thể bạn chưa biết. Dưới đây là 18 từ vựng về những đồ vật thông dụng trong phòng làm việc của bạn. Mời bạn cùng tham khảo và học từ vựng hiệu quả nhé!

Từ vựng:

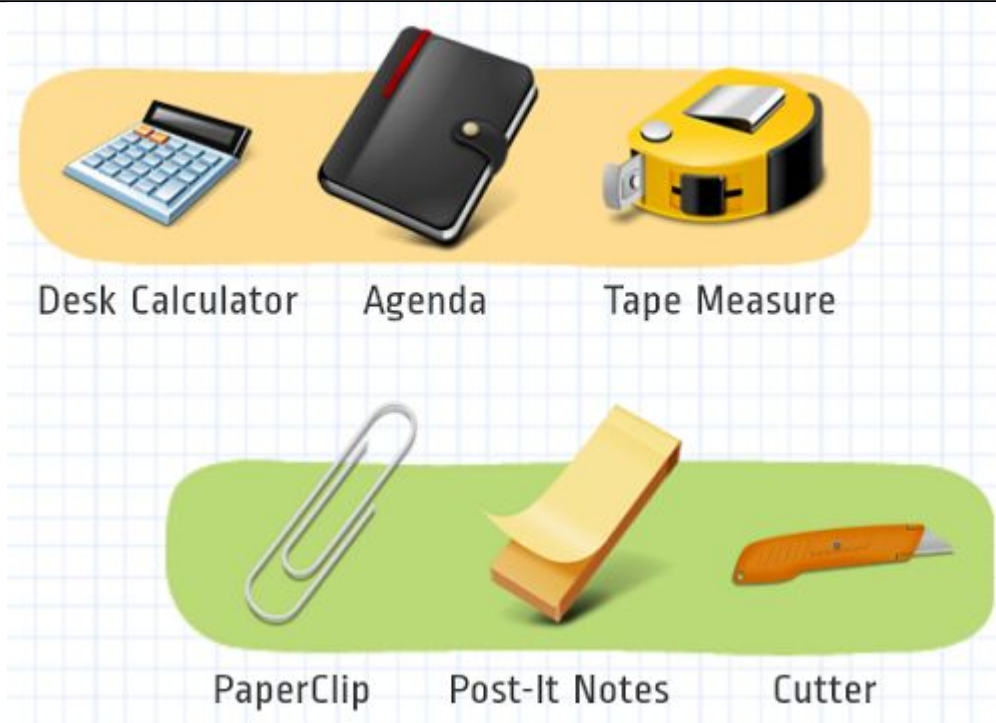
Words	Pronunciation	Meaning
whiteboard	/'waɪt.bɔ:d/	bảng trắng
pencil pot	/'pen.səl pɒt/	cốc đựng bút chì
marker	/'mɑ: .kər/	bút đánh dấu, bút nhớ
scissors	/'sɪz.əz/	cái kéo
hole puncher	/'həʊl.pʌn.tʃər/	dụng cụ bấm lỗ giấy
stapler	/'steɪ.plər/	dập ghim



Từ vựng:

Words	Pronunciation	Meaning
-------	---------------	---------

desk calculator	/desk 'kæl.kjʊ.leɪ.tər/	máy tính để bàn
agenda	/ə'dʒen.də/	sổ tay (thường có bìa bằng da)
tape measure	/teɪp 'meɜ:.ər/	thước cuộn
paper clip	/'peɪ.pər klɪp/	cây kẹp giấy
post-it notes	/'pəʊst.ɪt,nəʊt/	giấy nhớ
cutter	/'kʌt.ər/	dao rọc giấy



Từ vựng:

Words	Pronunciation	Meaning
pencil sharpener	/'pen.səl 'ʃɑ:.pən.ər/	dụng cụ gọt bút chì
duct tape	/dʌkt teɪp/	cuộn băng dính
dossier	/'dɒs.i.ɛɪ/	hồ sơ
printer	/'prɪn.tər/	máy in
coffee machine	/'kɒf.i mə'ʃi:n/	máy pha cà phê
office drawer	/'ɒf.ɪs drɔ:r/	tủ văn phòng có nhiều ngăn



Trên đây là toàn bộ từ vựng tiếng Anh về văn phòng. Hy vọng bài viết sẽ cung cấp một lượng kiến thức thú vị và bổ ích giúp bạn dần cải thiện vốn từ vựng và khả năng sử dụng ngôn ngữ của mình.

VnDoc chúc bạn học tiếng Anh hiệu quả!